TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hoàng

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: Bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 452/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2019 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐ-ST ngày 29/5/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961.

- Bị đơn: Ông Từ Hồng T, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Tổ 4 ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn bà S có mặt. Bị đơn ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà với ông Từ Hồng T chung sống với nhau từ năm 1980, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng cất nhà riêng tại quê chồng ở Phú Tân, sau đó thì di dời sống ở nhiều nơi đến năm 2004 thì về Vĩnh Phú, Thoại Sơn sinh sống cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 05 con chung. Khoảng 10 năm trước ông T bắt đầu có bồ, bà cũng đã khuyên nhủ thì ông T cũng quay về tuy nhiên được một thời gian thì

ông T lại bỏ nhà đi sống với người phụ nữ khác. Lần gần đây nhất là ông T sống chung với người phụ nữ ở Lương Phi, Tri Tôn, bà có bắt gặp tại nhà trọ sau đó ông T bỏ nhà đi luôn cho đến nay. Bà với ông T cũng chính thức sống ly thân khoảng 06 năm nay. Hiện nay tình cảm của bà đối với ông T không còn, không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S xin được ly hôn với ông Từ Hồng T.

+ Về quan hệ con chung: Có 05 con chung tên Từ Hùng H sinh ngày 12/10/1983, Từ Thị Mộng V sinh ngày 07/6/1985, Từ Thanh H sinh ngày 09/12/1987, Từ Thị Mỹ L sinh ngày 15/4/1989 và Từ Thị T sinh ngày 27/6/1994. Các con đều đã trưởng thành.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Từ Hồng T: Tòa án đã tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông T nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà S.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng mối quan hệ pháp luật, thụ lý và giải quyết đúng theo quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý hồ sơ Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ khi tiến hành lập hồ sơ, ban hành các thông báo, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng và tống đạt, niêm yết cho đương sự theo quy định tại. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo Điều 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng nên đã từ bỏ quyền của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội tuyên:

Về hôn nhân: Bà S được ly hôn vơi ông T.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bà S yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn. Bị đơn ông Từ Hồng T có đăng ký thường trú tại ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[1.2] Bị đơn ông Từ Hồng T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Nguyễn Thị S và ông Từ Hồng T chung sống với nhau từ năm 1980, có tổ chức đám cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì bà S và ông T chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân thực tế, việc bà S có đơn xin ly hôn là phù hợp và được xem xét theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà S, thấy: Vợ chồng bà S đã sống ly thân khoảng 06 năm nay. Bà S trình bày rằng trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nguyên nhân do ông T có quan hệ và chung sống với người phụ nữ khác như vợ chồng. Từ khi sống ly thân cho đến nay vợ chồng không gặp nhau, không có giải pháp để hàn gắn tình cảm để quay về sống chung. Mặt khác, trong quá trình giải quyết Tòa án có tiến hành thông báo hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn nhưng ông T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà S để xây dựng hạnh phúc gia đình. Căn cứ Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà S và ông T không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S.

[2.2] Về quan hệ con chung, thấy: Qua chứng cứ bà S cung cấp thì bà S và ông T có 05 con chung tên Từ Hùng H sinh ngày 12/10/1983, Từ Thị Mộng V sinh ngày 07/6/1985, Từ Thanh H sinh ngày 09/12/1987, Từ Thị Mỹ L sinh ngày 15/4/1989 và Từ Thị T sinh ngày 27/6/1994. Hiện nay các con đều đã trưởng thành.

[2.3] Bà S không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà S là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Từ Hồng T.

- Về quan hệ con chung: Các con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận không có nợ chung. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân bà Nguyễn Thị S và ông Từ Hồng T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000666 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

Bà Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Từ Hồng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cơ trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Lâm